

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2020/DS-PT

Ngày: 25/9/2020

Về việc “*Tranh chấp đòi tài sản -
quyền sử dụng đất; Yêu cầu hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hưng

Các Thẩm phán : Ông Lâm Thuận Tùng

Ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Phạm Trường San, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 179/2020/TLPT-DS ngày 11/8/2020 về “*Tranh chấp đòi tài sản – quyền sử dụng đất; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án số 82/2020/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2020/QĐ-PT ngày 11/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 181/2020/QĐ-PT ngày 04/9/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1938; cư trú: khóm B, phường B1, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. *Bị đơn:* ông Phan Văn L1 (N), sinh năm 1939 (có mặt) và bà Dương Ngọc M, sinh năm 1946 (vắng mặt); cùng cư trú: ấp V, xã V1, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông Phan Văn L1, bà Dương Ngọc M: anh Phan Văn T1 (theo văn bản ủy quyền ngày 03/9/2020)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Anh Phan Văn T1 (O), sinh năm 1986; (có mặt)

3.2 Chị Thái Thị N, sinh năm 1988; (có mặt)

Cùng cư trú: ấp V, xã V1, huyện C, tỉnh An Giang.

3.3 Ủy ban nhân dân huyện C (vắng mặt)

Trụ sở: ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T trình bày:* nguồn gốc đất do cha mẹ để lại có diện tích khoảng gần 40.000m² canh tác lúa 01 vụ, đến năm 1978 nhà nước có chính sách đưa tất cả vào tập đoàn nên đã lấy diện tích đất của gia đình phân chia cho các chủ mới, trong đó có gia đình vợ chồng ông Phan Văn L1, bà Dương Ngọc M; Đến năm 1989 - 1990, Nhà nước có quyết định 303 chủ trương trả đất lại cho chủ cũ và thỏa thuận bồi hoàn thành quả lao động thì gia đình ông L1, bà M có 3.000m² nhưng chỉ trả lại 2.000m² và còn giữ lại diện tích khoảng hơn 1.000m² đất chuyên dùng, có thỏa thuận là sẽ trả lại khi nào di dời xong 02 ngôi mộ. Đến năm 1996, bà Nguyễn Thị T kê khai toàn bộ diện tích đất mà Nhà nước đã trả lại tổng cộng là 32.352m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02147/fG cấp ngày 22/8/1996, trong đó bao gồm luôn diện tích 1.124m² mà vợ chồng ông L1, bà M sử dụng từ trước đến nay.

Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Phan Văn L1, bà Dương Ngọc M trả lại diện tích đất chuyên dùng theo đo đạc thực tế là 1.238m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02147/fG do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 22/8/1996 mang tên Nguyễn Thị T.

* *Bị đơn ông Phan Văn L1, bà Dương Ngọc M lại cho rằng:* vào năm 1978, nhà nước có cấp cho vợ chồng ông Phan Văn L1 diện tích đất làm lúa 01 vụ là 8.000m²; vợ chồng canh tác đến năm 1989 thì có chủ trương trả lại đất cho chủ cũ và bồi hoàn thành quả lao động, do nhà nghèo nên không có lúa bồi hoàn cho chủ cũ nên đã chấp nhận trả lại cho bà Nguyễn Thị T 7.000m², chỉ giữ lại 1.238m² (theo đo đạc thực tế) để trồng hoa màu nuôi sống cả gia đình và đồng thời trên đất có 02 ngôi mộ do đã an táng cha mẹ từ năm 1986 nên không thể trả lại diện tích này. Đến khi có thông báo kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vợ chồng có liên hệ địa chính xin kê khai để cấp giấy thì phát hiện bà Nguyễn Thị T đã kê khai toàn bộ diện tích đất mà gia đình ông đã canh tác từ năm 1978, ông có làm đơn khiếu nại tranh chấp nhưng chưa được giải quyết.

Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu trả lại diện tích đất 1.238m² thì vợ chồng ông Phan Văn L1, bà Dương Ngọc M không đồng ý. Ngoài ra, ông Phan Văn L1 yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02147/fG do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 22/8/1996 cho bà Nguyễn Thị T vì cấp giấy sai đối tượng để công nhận quyền sử dụng hợp pháp cho vợ chồng ông diện tích đất 1.238m².

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vợ chồng anh Phan Văn T1 và chị Thái Thị N trình bày:* vợ chồng sống chung nhà với cha mẹ là ông L1, bà M. Năm 2014, do ba mẹ tuổi già và bệnh tật nên có giao lại cho vợ chồng diện tích đất chuyên dùng 1.238m² để trồng hoa màu nuôi cả gia đình. Theo anh T1, chị N thì diện tích đất này có 02 ngôi mộ an táng ông bà nội trên đất và gia đình quản lý, sử dụng từ năm 1978 liên tục cho đến nay nhưng chưa được cấp giấy.

Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu gia đình trả lại diện tích đất 1.238m² (theo đo đạc thực tế) thì vợ chồng anh Phan Văn T1, chị Thái Thị N không đồng ý, do hiện tại cả gia đình chỉ có diện tích đất này để trồng trọt sinh sống; đồng thời, yêu cầu xem xét cấp giấy chứng nhận cho cha mẹ của anh chị.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành* có văn bản số 944/UBND-NC ngày 27/12/2018 xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T tại các thửa 537, 538, 539, 1127, 1128, 1129, 1130, 1131, 1132, 1133, 1134, 1135 và 1136 với tổng diện tích 32.352m² loại đất 02 Lúa, số giấy chứng nhận 02147/dG cấp ngày 22/8/1996, đất tọa lạc tại xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, An Giang hoàn toàn đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Ngoài ra, do phải xử lý nhiều công việc nên đại diện Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành xin được vắng mặt khi Tòa án huyện Châu Thành tiến hành hòa giải và xét xử vụ kiện.

Tại Bản án số 82/2020/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã xử:

+ Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T buộc vợ chồng ông Phan Văn L1, bà Dương Ngọc M trả lại diện tích đất 1.238m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02147/dG ngày 22/8/1996 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho bà Nguyễn Thị T.

+ Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02147/dG cấp ngày 22/8/1996 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho bà Nguyễn Thị T có diện tích 32.352m² (tờ bản đồ số 03, gồm các thửa số 537, 538, 539, 1127, 1128, 1129, 1130, 1131, 1132, 1133, 1134, 1135 và 1136); đất tọa lạc tại ấp Vĩnh Thới, xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

+ Vợ chồng ông Phan Văn L1, bà Dương Ngọc M được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất là 1.238m², vị trí tại các điểm 34, 35, 44, 45 và 60 theo bản đồ hiện trạng lập ngày 05/12/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Châu Thành; Đất tọa lạc tại ấp Vĩnh Thới, xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

+ Bà Nguyễn Thị T được quyền quản lý, sử dụng diện tích là 29.618m², vị trí tại các điểm 34, 35, 29, 27, 24, 17, 13, 4, 2, 30, 32, 33 và diện tích 1.654m², vị trí tại các điểm 57, 56, 55, 45 và 60 theo bản đồ hiện trạng lập ngày 05/12/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Châu Thành; Đất tọa lạc tại ấp Vĩnh Thới, xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

+ Các đương sự liên quan có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá, án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/7/2020, bà Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án với yêu cầu buộc ông Phan Ngọc L1 và bà Dương Ngọc M trả cho bà 1.238m² đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02147/dG cấp ngày 22/8/1996 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho bà; đồng thời yêu cầu không hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên và xin miễn tiền án phí (có đơn xin miễn án phí do bà là người cao tuổi).

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng ông Phan Văn L1 có thỏa thuận với bà về việc sẽ bóc mộ để trả phần đất có diện tích 1.238m² nhưng không thực hiện nên đề Hội đồng xét xử xem xét buộc ông Phan Văn L1, bà Dương Ngọc M trả phần đất trên cho bà, không hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02147/dG do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp ngày 22/8/1996 cho bà đứng tên và xem xét miễn án phí cho bà.

Đại diện hợp pháp của ông Phan Văn L1 và bà Dương Ngọc M là anh Phan Văn T1 đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Phan Văn L1 cho rằng khi Nhà nước có chủ trương thương lượng giữa chủ cũ – chủ mới, ông đã trả cho bà T 7.000m², giữ lại khoảng 1.000m² canh tác nuôi gia đình và không phải bồi hoàn thành quả lao động cho nhau; ông đã sử dụng phần đất trên cho đến nay và trên đất có phần mộ của cha mẹ ông nên không đồng ý theo yêu cầu của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu về vụ án: từ khi thụ lý phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về nội dung: theo hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa đã xác định được về việc năm 1978 thực hiện chủ trương nhường cơm sẻ áo, ông L1 và bà M đã nhận 8 công đất canh tác và khi có chính sách thương lượng trả thành quả lao động giữ chủ cũ – chủ mới, do không có điều kiện, ông L1, bà M đã thỏa thuận với bà T trả lại 07 công đất, giữ lại khoảng 01 công canh tác cho đến nay nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà T là có cơ sở. Bên cạnh đó, bà T không quản lý sử dụng đối với phần đất do ông L1, bà M canh tác nhưng Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T là không đúng nên việc bà T kháng cáo yêu cầu không hủy giấy chứng nhận quyền đã cấp cho bà là không có căn cứ.

Ngoài ra, bà T kháng cáo yêu cầu được miễn tiền án phí và xét bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên cần xem xét miễn án phí cho bà T và do đó đề nghị sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa đã cho thấy:

[1] Về thủ tục: bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí và kháng cáo trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo quy định.

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn L1 và bà Dương Ngọc M phải trả lại đất và ông L1, bà M có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho bà T trước ngày Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thẩm quyền của Tòa án.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy: bà Nguyễn Thị T và ông Phan Văn L1, bà Dương Thị M đều xác nhận phần đất các bên đang tranh chấp có nguồn gốc từ gia đình bà Nguyễn Thị T được Nhà nước cấp lại cho ông Phan Văn L1 08 công vào năm 1978 theo chính sách cải tạo ruộng đất.

Thực hiện Quyết định 303/QĐ.UB ngày 04/10/1988 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, địa phương đã tổ chức họp chủ cũ, chủ mới về việc thương lượng bồi hoàn thành quả lao động; theo đó, ông Phan Văn L1 đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị T 07 công đất, giữ lại 01 công để làm kinh tế nuôi gia đình và hai bên không phải bồi hoàn thành quả cho nhau, nhưng bà T lại cho rằng ông L1 phải trả cho bà 08

công đất nhưng vì có 02 ngôi mộ của cha mẹ nên ông L1 sẽ bốc mộ và trả sau nhưng đến nay vẫn chưa trả.

[2.1] Xét lời trình bày của bà T và của ông L1, bà M về việc thỏa thuận bồi hoàn thành quả lao động, Hội đồng xét xử nhận thấy trình bày của ông L1, bà M là có cơ sở chấp nhận vì ngoài lời trình bày, theo làm việc của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành với ông Phan Văn Tổng, ông Nguyễn Trọng Thủy là Thủ kho và Ban vận động của Tập đoàn cũng đã xác định rằng: ông L1 có trả lại cho bà T diện tích đất là 7.000m² và chỉ giữ lại khoảng 1.000m² để trồng trọt nuôi cả gia đình liên tục từ năm 1978; Hội đồng xét xử không chấp nhận trình bày của bà T vì ngoài lời trình bày của bà thì không có bất cứ chứng cứ, tài liệu nào xác định việc thỏa thuận ấy.

Hơn nữa, tại khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013 có quy định: “Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Như vậy, các sự kiện trên theo sự thừa nhận của các bên đương sự đã cho phép Hội đồng xét xử kết luận: vào năm 1978, thực hiện chính sách về đất đai, Nhà nước đã thực hiện việc quản lý phần đất của gia đình bà Nguyễn Thị T và phân chia cho nhiều người sử dụng đất khác, trong đó có ông Phan Văn L1 và khi có chính sách thương lượng bồi hoàn thành quả lao động, bà T và ông L1 đã có thỏa thuận mà theo đó ông L1 đã trả cho bà T 7.000m² đất canh tác lúa và giữ lại một phần đất canh tác nuôi sống gia đình mà theo đo đạc thực tế phần đất ấy có diện tích 1.238m²; ông L1 đã sử dụng ổn định, liên tục phần đất ấy kể từ khi Nhà nước thực hiện chính sách cải tạo đất đai cho đến nay nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc buộc phía ông L1 trả lại phần đất ấy là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà T để buộc phía ông L1 trả lại phần đất có diện tích 1.238m² tọa lạc tại xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[2.2] Về yêu cầu không hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy: ngày 22/8/1996 bà Nguyễn Thị T được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02147/fG có diện tích 32.352m² đất nông nghiệp tọa lạc tại xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang và mặc dù Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành có ý kiến về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T đối với phần đất có diện tích 32.352m² đất nông nghiệp tọa lạc tại xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang là hoàn toàn đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng: trong quá trình khai thác giá trị sử dụng đất, Nhà nước đã thực hiện chính

sách cải tạo đất đai và kể từ năm 1978, phía ông L1 đã sử dụng ổn định, liên tục phần đất có diện tích 1.238m² nhưng Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành lại căn cứ kê khai của bà Nguyễn Thị T (do ông Lực ký thay) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà bao gồm cả phần đất do ông Phan Văn L1 trực canh là không đúng, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật đất đai năm 1993 nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành chấp nhận yêu cầu của phía ông L1 tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà là đúng; bà T kháng cáo nhưng diễn biến tại phiên tòa không có gì khác làm thay đổi nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà về nội dung này.

[3] Về án phí: bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi có đơn xin miễn áp phí nên Hội đồng xét xử quyết định miễn toàn bộ án phí cho bà T.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T.

Sửa Bản án số 82/2020/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành về phần án phí.

Miễn toàn bộ tiền án phí cho bà Nguyễn Thị T; hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T 1.375.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008658 ngày 16/11/2015 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Dương sự;
- Lưu.

Nguyễn Phước Hưng